

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CHẾ ĐỊNH ÁN TREO TRONG GÓP Ý DỰ THẢO BỘ LUẬT HÌNH SỰ SỬA ĐỔI

1. Khái niệm về án treo

Trong lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam, nhà làm luật không đưa ra khái niệm về án treo. Chế định án treo từ khi mới ra đời cho đến khi được quy định tại điều 44 BLHS năm 1985 đã có những quan niệm khác nhau, đôi lúc án treo được hiểu là một biện pháp tạm đình chỉ việc thi hành án (điều 10 sắc lệnh số 21/SL ngày 14/2/1946 hoặc là một biện pháp hoãn hình có điều kiện thông tư số 2308/NCPL ngày 01.02.1961 của TANDTC hoặc là biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện nghị quyết số 01/1990/NĐ-HĐTP

Pháp luật hình sự của nước ta từ trước tới nay chưa bao giờ coi án treo là một loại hình phạt. Trong các đạo luật hình sự của nước ta đã ban hành từ sau cách mạng tháng 8 đến nay có quy định về tội phạm và hình phạt thì đều không quy định loại hình phạt là án treo. Bộ luật hình sự được Quốc hội thông qua ngày 27.6.1986 và có hiệu lực từ ngày 01.01.1986 tại chương V về hình phạt chỉ quy định 7 loại hình phạt chính: cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, cải tạo ở đơn vị kỷ luật quân đội, tù có thời hạn, tù chung thân, tử hình. Ở điều luật này còn quy định 7 loại hình bổ xung là cấm đảm nhiệm những chức vụ, làm những nghề hoặc công việc nhất định, cấm cư trú, quản chế, tước một số quyền công dân, tước danh hiệu quân nhân, tịch thu tài sản, phạt tiền khi không áp dụng là hình phạt chính.

Như vậy, trong số 14 loại hình phạt được quy định tại Điều 20 Bộ luật hình sự hoàn toàn không có án treo, điều này có nghĩa là án treo không phải là hình phạt.

Án treo chỉ được quy định tại Điều 44 chương I Bộ luật hình sự về việc quyết định hình phạt, miễn giảm, hình phạt. Và tại Nghị quyết số 01/HĐTP ngày 18/10/1990, Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao đã định nghĩa về án treo như sau: Án treo là miễn chấp hành hình phạt có điều kiện, tức là căn cứ vào nhân thân của người bị kết án và những tình tiết giảm nhẹ, tòa án sẽ miễn giảm cho người bị kết án không phải chấp hành hình phạt nếu trong thời gian thử thách người đó không phạm tội mới

Do không nắm vững nội dung của án treo nên đã có người hiểu sai rằng án treo là một loại hình phạt thậm chí còn gọi sai là tù treo và cho là tù treo nhẹ hơn tù giam. Cũng cần giải thích rõ: Tù giam, tù treo là những thuật ngữ không chính xác về mặt

pháp lý. Chỉ có hình phạt tù (bao gồm tù có thời hạn và tù chung thân) còn giam là việc thi hành hình phạt tù. Chỉ có án treo với nghĩa là miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện, chứ không có tù treo với tính chất là một loại hình phạt nhẹ hơn hình phạt tù.

Ngoài quan niệm án treo được hiểu là một biện pháp tạm đình chỉ việc thi hành án (Điều 10 sắc lệnh số 21/SL ngày 14.02.1946 hoặc là một biện pháp hoãn hình có điều kiện (Thông tư số 2308/NCPL ngày 01.12.1961 của TSNDTC thì chưa có tác giả nào đưa ra khái niệm về án treo trái với sự giải thích, hướng dẫn của TANDTC tại nghị quyết số 01/1990/NQ-HĐTP mà đều thống nhất án treo là một biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện.

Tuy nhiên, các nhà nghiên cứu chính sách pháp luật hình sự nước ta cũng đưa ra những khái niệm khác nhau về án treo như sau:

Án treo là biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện, được áp dụng đối với người bị phạt không quá 3 năm tù, căn cứ vào nhân thân của người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, nếu xét thấy không cần bắt họ phải chấp hành hình phạt tù¹.

Án treo là biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù kèm theo một thời gian thử thách nhất định đối với người bị coi là có lỗi trong việc thực hiện tội phạm khi đủ căn cứ và những điều kiện do pháp luật hình sự quy định².

Theo giáo trình Luật hình sự Việt Nam của Đại Học Luật Hà Nội, án treo được hiểu là biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện, án treo thể hiện tính nhân đạo của luật hình sự Việt Nam có tác dụng khuyến khích người bị kết án tự tu dưỡng và lao động tại cộng đồng với sự giúp đỡ tích cực của xã hội cũng như của gia đình đồng thời cảnh báo họ nếu phạm tội mới trong thời gian thử thách thì buộc phải chấp hành hình phạt tù đã tuyên.

Từ các quan điểm về án treo và nội dung về án treo quy định tại Khoản 1 Điều 60 Bộ luật hình sự hiện hành quy định “Khi xử phạt tù không quá 3 năm, căn cứ vào nhân thân của người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, nếu xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù, thì tòa án cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách từ 1 năm đến 5 năm” có thể đưa ra khái niệm án treo như sau: Án treo là một biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện, được áp dụng đối với người bị phạt tù

¹ Th.s Đinh Văn Quế - Bình luật khoa học hình sự năm 1999.

² Theo GSTSKH Lê Văn Cẩm- GS.TSKH. Lê Văn Cẩm - Trưởng Bộ môn Tư pháp hình sự tại Hội thảo khoa học về sửa đổi Bộ luật Hình sự năm 1999.

không quá 3 năm, nếu người phạm tội có nhân thân tốt và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, xét thấy không cần phải cách ly họ ra khỏi đời sống xã hội, tòa án sẽ miễn chấp hành hình phạt và ấn định một thời gian thử thách nhất định từ 1 năm đến năm năm, nếu trong thời gian thử thách người bị kết án không phạm tội mới thì họ sẽ vĩnh viễn không phải chấp hành hình phạt của bản án cho hưởng án treo đó, Trong thời gian thử thách người bị án treo phải thực hiện một số nghĩa vụ ràng buộc theo quy định của pháp luật.

2. Bản chất pháp lý của án treo trong luật hình sự Việt Nam

Chế định án treo ra đời từ rất sớm trên thế giới, quy định về chế định án treo ở mỗi nước có sự khác nhau nhất định như Luật hình sự của Anh và Mỹ coi án treo là trường hợp hoãn tuyên án kèm theo biện pháp bảo lãnh hoặc biện pháp bảo đảm bằng tiền. Luật hình sự của Pháp và Bỉ và một số nước khác coi án treo là việc hoãn hoặc miễn chấp hành hình phạt. Các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa trước đây, đa số coi án treo là biện pháp miễn chấp hành hình phạt có điều kiện, nhưng cũng có nước như công hòa dân chủ Đức.

Điều 10 sắc lệnh số 21/SL ngày 14.2.1946 của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định: Khi phạt tù tòa án có thể cho tội nhân được hưởng án treo nếu có những lý do đáng được khoan hồng. Bản án xử treo sẽ được tạm đình chỉ việc thi hành án. Nếu trong 5 năm bắt đầu từ ngày tuyên án, tội nhân không bị tòa án làm tội một lần nữa về tội mới thì bản án đã tuyên sẽ bị hủy đi, coi như không có. Nếu trong năm năm ấy, Tội nhân lại bị kết án 1 lần nữa trước một tòa án thì bản án treo sẽ đem thi hành.

Mặc dù Sắc lệnh quy định là bản án xử treo sẽ tạm đình chỉ việc thi hành án, nhưng trong thực tế nó được áp dụng như là biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện. Nghĩa là trong năm năm kể từ ngày tuyên án, nếu người được hưởng án treo không bị kết án một lần nữa thì bản án đã tuyên cho hưởng án treo sẽ bị hủy không có và dĩ nhiên là họ sẽ vĩnh viễn không phải chấp hành hình phạt tù trong bản án hưởng án treo đó. Mười năm sau, tại điều 12 sắc lệnh 167/SL ngày 15.6.1956 chế định án treo được bổ sung như sau: Đối với những kẻ phạm tội bị phạt không quá 2 năm tù thì trong những trường hợp đặc biệt do thủ tướng chính phủ quy định, tòa án có thể cho bị cáo hưởng án treo.

Thông tư số 2308/NCPL ngày 01.12.1961 của TANDTC về việc áp dụng chế độ án treo quy định:

Án treo là một biện pháp hoãn hình có điều kiện, áp dụng chủ yếu đối với những kẻ phạm tội nhẹ, bản chất không nguy hiểm, xét không thực cần thiết phải bắt thi hành ngay án phạt tù, nhằm mục đích khuyến khích họ tự nguyện lao động cải tạo với sự giúp đỡ tích cực của xã hội, đồng thời cảnh cáo họ còn nếu tiếp tục phạm tội trong thời gian thử thách thì tùy trường hợp sẽ buộc chấp hành án cũ trong mức độ cần thiết, ngược lại nếu trong thời gian thử thách họ không phạm tội gì mới, án treo sẽ được xóa bỏ.

Có thời kỳ án treo được coi là hình thức xử lý nhẹ hơn hình phạt tù giam. Thông tư số 19/TATC ngày 02.10.1974 của TANDTC hướng dẫn về trình tự tổ tụng phúc thẩm hình sự, trong đó có hướng dẫn về án treo quy định:

So sánh hậu quả phổ biến về mặt pháp lý cũng như hậu quả về mọi mặt khác của án tù giam và án tù treo (người bị án treo không bị cách ly khỏi xã hội, vẫn sống trong môi trường bình thường hàng ngày của họ mà cũng không bị hạn chế gì, tất cả các quyền lợi của người công dân, người bị án treo đều được hưởng, nếu họ là công dân viên chức, họ không bị buộc thôi việc, họ cũng chỉ bị án tích trong thời gian thử thách 05 năm) thì án treo phải được xem là hình thức giảm nhẹ hơn tù giam. Như vẫn chuyển án tù treo sang án tù giam nặng thời gian ngắn hơn cũng là tăng nặng hình phạt. Ngược lại, chuyển án tù giam sang án tù treo dù thời gian dài hơn cũng là giảm nhẹ hình phạt.

Theo sự hướng dẫn này thì án treo không đồng nghĩa là một loại hình phạt nhẹ hơn hình phạt tù có thời hạn trong hệ thống hình phạt của pháp luật hình sự, mà theo chúng tôi, án treo chỉ được coi là một hình thức xử lý nhẹ hơn tù giam. Tuy nhiên, sự hướng dẫn này chưa thật sự chính xác bởi như vậy sẽ dẫn đến trường hợp vì có ý định trước cho hưởng án treo nên đáng xử phạt bị cáo 02 năm tù thì nâng lên 3 năm tù nhưng cho hưởng án treo nhưng vì có ý định trước không cho hưởng án treo nên hạ xuống 2 năm tù giam.

Có rất nhiều quan điểm khác nhau về án treo giữa các nước trên thế giới và ở Việt Nam qua các thời kỳ.

Theo quy định của Bộ luật hình sự hiện hành thì án treo là một biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện. Điều kiện để được hưởng án treo quy định tại điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 như sau:

(1). Khi xử phạt tù không quá 3 năm, căn cứ và nhân thân của người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, nếu xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù thì tòa án cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách từ 1 đến 5 năm.

(2). Trong thời gian thử thách, tòa án giao người được hưởng án treo cho cơ quan tổ chức nơi người đó làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi người đó thường trú để giám sát và giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó.

(3). Người được hưởng án treo có thể phải bổ sung là phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định theo quy định tại điều 30 và điều 36 của bộ luật hình sự.

(4). Người được hưởng án treo đã chấp hành được một phần hai thời gian thử thách và có nhiều tiến bộ thì theo đề nghị của cơ quan, tổ chức có trách nhiệm giám sát và giáo dục, tòa án có thể quyết định rút ngắn thời gian thử thách.

(5), đối với người được hưởng án treo mà phạm tội mới trong thời gian thử thách, thì tòa án quyết định buộc phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của bộ luật này.

Như vậy, bản chất án treo trong Bộ luật hình sự hiện hành thể hiện ở một số đặc điểm sau:

Thứ nhất, án treo là hình thức miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện

Thứ 2, trong bản án treo đó tòa án đã tuyên cho bị cáo một mức án (là loại hình phạt tù có thời hạn) tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cũng như thân nhân của bị cáo. Sau đó xét thấy bị cáo là người có thể tự lao động cải tạo tại cộng đồng xã hội, nơi bị cáo đang công tác hoặc sinh sống để hoàn lương mà không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cũng có thể tin tưởng bị cáo sẽ không tiếp tục gây nguy hiểm cho xã hội.

Thứ 3, người được hưởng án treo sẽ phải chịu một thời gian thử thách từ một năm đến 5 năm và bao giờ thời gian thử thách cũng phải bằng hoặc lớn hơn mức phạt tù.

Thứ 4, trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo phạm tội mới thì biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù bị xóa bỏ, người được hưởng án treo sẽ buộc phải chấp hành hình phạt tù trong bản án mà hội đồng xét xử đã cho hưởng án treo trước đó, công với hình phạt của bản án về tội phạm mới thực hiện.

Thứ 5, bản chất án treo không phải là hình phạt trong hệ thống các hình phạt quy định. Nếu trong thời gian thử thách mà bị cáo không chịu lao động cải tạo để trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội mà có hành vi phạm tội mới thì bị cáo bị buộc phải chấp hành hình phạt tù của bản án treo đó. Hoặc ngược lại, nếu trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo không phạm tội mới thì họ được miễn chấp hành hình phạt tù mà tòa đã tuyên.

Tuy nhiên, trong dự thảo Bộ luật hình sự sửa đổi có quy định cụ thể theo hướng quy định rõ các nghĩa vụ mà người được hưởng án treo phải thực hiện trong thời gian thử thách cũng như hậu quả của việc vi phạm các nghĩa vụ này. Trong dự thảo thiết kế quy định về án treo như sau:

- Khi xử phạt tù không quá 03 năm, căn cứ vào nhân thân của người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, nếu xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù, thì Tòa án cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách từ 01 năm đến 05 năm và một số nghĩa vụ phải thực hiện trong thời gian thử thách theo quyết định của Tòa án được quy định trong Bộ luật hình sự.

- Trong thời gian thử thách, Tòa án giao người được hưởng án treo cho cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi người đó cư trú để giám sát và giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó.

- Tòa án quyết định buộc người được hưởng án treo phải thực hiện một hoặc một số nghĩa vụ sau đây:

- + Chấp hành pháp luật, nghĩa vụ công dân, nội quy, quy chế của nơi cư trú, làm việc; tích cực tham gia lao động, học tập; chấp hành đầy đủ các hình phạt bổ sung, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại;

- + Trình diện trước cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu;

- + Định kỳ 03 tháng phải nộp bản tự nhận xét về việc chấp hành pháp luật của mình với người được giao giám sát, giáo dục;

- + Không tự ý đi khỏi nơi cư trú khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền.
- Tòa án có thể quyết định áp dụng đối với người được hưởng án treo hình phạt bổ sung nếu trong điều luật áp dụng có quy định các hình phạt này.
- Người được hưởng án treo đã chấp hành được một phần hai thời gian thử thách và có nhiều tiến bộ thì theo đề nghị của cơ quan, tổ chức có trách nhiệm giám sát và giáo dục, Tòa án có thể quyết định rút ngắn thời gian thử thách.
- Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo vi phạm từ hai lần trở lên các nghĩa vụ theo quyết định của Tòa án thì Tòa án quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo; trường hợp phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới trên cơ sở tổng hợp hình phạt của nhiều bản án.

3. Ý nghĩa, vai trò của án treo trong công tác đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm

Án treo là biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện, được áp dụng đối với người bị phạt tù không quá ba năm, căn cứ vào nhân thân của người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, xét thấy không cần thiết phải cách ly họ ra khỏi đời sống xã hội, tòa án sẽ miễn chấp hành hình phạt tù và ấn định một thời gian thử thách người bị kết án không phạm tội mới thì họ sẽ vĩnh viễn không phải chấp hành hình phạt của bản án mà họ được hưởng án treo.

Mặt khác, án treo là một trong những biểu hiện cụ thể của phương châm trừng trị kết hợp với giáo dục thể hiện tính nhân đạo xã hội chủ nghĩa trong chính sách hình sự của Việt Nam. Án treo là một bản án giúp cảnh tỉnh, nhắc nhở người phạm tội và cảnh giác đối với những người xung quanh, lấy bài học đó để cố gắng kìm chế những bản năng xấu trong con người họ khi có điều kiện phạm tội.

Bên cạnh đó án treo có tác dụng giáo dục, răn đe những người xung quanh nơi người được hưởng án treo làm việc hoặc cư trú. Nó thể hiện chính sách khoan hồng và nhân đạo của nhà nước ta, đồng thời là một biện pháp hữu hiệu không thể thiếu trong chính sách hình sự của nhà nước, nó vừa mang tính nhân đạo, nhân văn sâu sắc, vừa đem lại những hiệu quả cao trong công tác phòng ngừa và chống tội phạm giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội đảm bảo sự ổn định của đời sống chính trị, văn hóa, kinh tế xã hội của đất nước.

II. Quy định về án treo trong luật hình sự việt nam trước năm 1985

Khi phạt tù tòa án có thể cho tội nhân hưởng án treo, nếu có lý do chính đáng khoan hồng. thời gian thử thách quy định là 5 năm kể từ ngày tuyên án, bất kể tội phạm gì và ở mức độ như thế nào. Nếu trong 5 năm ấy tội nhân bị kết án một lần nữa trước tòa án bình thì bản án treo sẽ mang ra thi hành.. nếu trong 5 năm bắt đầu kể từ ngày tuyên án, tội nhân không bị tòa án quân sự làm tội một lần nữa về một việc mới thì bản án đã tuyên sẽ bị hủy coi như không có.

III. Quy định về án treo trong luật hình sự việt nam giai đoạn 1985-1999

Việc ban hành bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985 đã góp phần rất lớn trong công tác đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, góp phần hoàn thiện và cụ thể hóa chính sách hình sự của việt nam tạo điều kiện thuận lợi trong việc quản lý xã hội bằng pháp luật.

Điều kiện để người phạm tội được hưởng án treo quy định trong điều 44 Bộ luật hình sự năm 1985 là:

- Bị cáo bị phạt tù không quá 5 năm
- Có thân nhân tốt
- Có nhiều tình tiết giảm nhẹ
- Nếu tòa án xét không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù.

IV. Quy định về án treo trong luật hình sự việt nam hiện hành và hướng sửa đổi, bổ sung trong dự thảo Bộ luật hình sự.

Chưa có một văn bản pháp luật nào quy định hướng dẫn việc áp dụng án treo tại Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1995, các tòa địa phương vẫn áp dụng một số quy định của nghị quyết số 01/HĐTP ngày 18/10/1990 của HĐTP tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về việc áp dụng điều 44/BLHS năm 1985. Điều này làm cho các Tòa án địa phương khi áp dụng chế định án treo còn gặp phải một số khó khăn, vướng mắc nhất định.

Qua quá trình công tác thực tiễn, cũng như trên cơ sở những quy định của Nghị quyết 01/HĐTP ngày 18/10/1990 của HĐTP Tòa án Nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng Điều 44 Bộ luật hình sự năm 1985, để phù hợp với những quy định về án treo tại Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, phù hợp với nghị định số 61/2000/NĐ-CP ngày

30/10/2000 của chính phủ quy định về việc thi hành phạt tù cho hưởng án treo, phù hợp với những quy định của Bộ luật tổ tụng hình sự năm 2003 về công tác thi hành án đối với người bị phạt tù được hưởng án treo thì án treo quy định tại Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.

1.Các căn cứ

Để cho người bị phạt tù được hưởng án treo theo Khoản 1, Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 từ nội dung của án treo được quy định trong pháp luật hình sự hiện hành có thể khẳng định, việc áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện cho người bị kết án lúc nào cũng phải thận trọng và xem xét kỹ lưỡng, không thể tùy tiện cho người bị phạt tù được hưởng án treo theo ý chí chủ quan của HĐXX mà phải tuân thủ các quy định của Pháp luật về án treo, đặc biệt là xem xét những căn cứ và điều kiện cho hưởng án treo.

Xét về mức hình phạt tù

Theo quy định tại Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 thì căn cứ để xem xét cho người bị kết án được hưởng án treo căn cứ vào mức hình phạt tù và căn cứ về sự không cần thiết bắt chấp hành hình phạt tù đó. Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, thân nhân người phạm tội, và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ TNHS. Theo bộ luật hình sự thì chỉ có những người phạm tội không quá 3 năm mới có thể được hưởng án treo. Quy định này nhằm giới hạn phạm vi áp dụng biện pháp án treo.

Do luật không quy định cụ thể án treo áp dụng với loại tội nào nên người bị phạt tù không quá 3 năm về bất cứ tội phạm đều có thể được xem xét cho hưởng án treo nếu có đủ các căn cứ khác.

Đối với người bị xét xử trong cùng 1 lần về nhiều tội hoặc nhiều bản án mà khi tổng hợp hình phạt, hình phạt chung không quá 3 năm tù, thì cũng có thể hưởng án treo, nhưng phải xét thật chặt chẽ.

Trong thực tế, việc quyết định mức hình phạt tù đã có trường hợp vì có ý định trước là sẽ cho người bị kết án hưởng án treo nên đáng lẽ họ bị xử phạt trên 3 năm tù lại chỉ ra quyết định mức phạt từ 3 năm tù trở xuống để cho hưởng án treo hoặc người lại. Đây là một trong những điểm gây bất cập đối với các quy định về án treo trong Bộ luật hình sự hiện hành nên trong dự thảo Bộ luật hình sự sửa đổi đã quy định cụ thể

hơn đối với những người phạm tội ít nghiêm trọng hoặc cũng có thể là những tội nghiêm trọng nhưng thuộc trường hợp ít nghiêm trọng mà Tòa án xử phạt tù không quá ba năm thì được hưởng án treo.

Xét về thân nhân người phạm tội

Khi xét về thân nhân người phạm tội cần xét toàn diện tất cả các yếu tố, là người phải chấp hành đúng chính sách pháp luật, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của bản thân, chưa có tiền án tiền sự. Tuy nhiên, đối với người có tiền án, tiền sự, nếu xét tính chất của tiền án, tiền sự đó cùng với tính chất của tội phạm mới thực hiện và các căn cứ khác thấy không cần thiết phải bắt họ chấp hành hình phạt tù thì cũng cho họ hưởng án treo.

Người được xóa án tích thì không coi là có tiền án. Người được xóa kỷ luật, xóa việc xử phạt vi phạm hành chính thì không được coi là có tiền sự. Đối với các quyết định xử lý của cơ quan, đoàn thể, tổ chức xã hội mà pháp luật chưa quy định thời hạn để được coi chưa bị xử lý nếu tính từ ngày ra quyết định xử lý đến ngày vi phạm đã quá 01 năm, thì không bị coi là có tiền sự.

Xét về các tình tiết giảm nhẹ xem xét cho người phạm tội được hưởng án treo

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 khi tòa án xem xét cho người phạm tội hưởng án treo phải căn cứ vào tình tiết giảm nhẹ. Các tình tiết giảm nhẹ gồm các tình tiết được quy định tại Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 và các tình tiết được hướng dẫn tại nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04.8.2000 của HĐTP TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần chung của Bộ luật hình sự năm 1999.

Các tình tiết giảm nhẹ đã được xem xét để quyết định hình phạt vẫn được xem xét cùng với các căn cứ khác để quyết định việc cho hoặc không cho hưởng án treo.

Vấn đề xem xét tình tiết giảm nhẹ để cho hưởng án treo hiện vẫn tồn tại nhiều điểm khác nhau vì luật hình sự Việt Nam chưa quy định chi tiết về vấn đề này.

Xét không cần thiết bắt chấp hành hình phạt tù

Khi xem xét cho người bị kết án được hưởng án treo, Tòa án dựa vào các căn cứ như đã nêu trên để được cân nhắc về khả năng tự cải tạo của họ dưới sự giám sát, giáo dục của cơ quan, tổ chức có trách nhiệm cũng như gia đình, người thân, bạn bè,

xã hội. Ngoài ra, tòa án phải xem xét thêm yêu cầu của công tác đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm của từng loại tội phạm cụ thể trong từng thời kỳ tương ứng, xem có cần phải bắt chấp hành hình phạt tù không. Nếu mặc dù người bị kết án đã hội đủ ba căn cứ nêu trên nhưng do yêu cầu công tác đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm để kịp thời răn đe, giáo dục, ngăn chặn, loại tội phạm này trên địa bàn, vì yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị địa phương thì có thể không cho người bị kết án hưởng án treo mà cần thiết phải bắt họ chấp hành hình phạt tù. Ngược lại, xét thấy người bị kết án có nơi cư trú ổn định, là người thực sự có khả năng tự lao động cải tạo hoàn lương ngay trong môi trường xã hội cụ thể không có nguy cơ tái phạm bởi tính chất loại tội phạm mà họ thực hiện cũng như các ảnh hưởng xấu của các đối tượng xung quanh, Tòa Án xét thấy không cần thiết bắt chấp hành hình phạt tù thì xem xét cho họ được hưởng án treo khi có đủ các căn cứ khác theo quy định.

2. Thời gian thử thách của án treo và cách tính thời gian thử thách

Thời gian thử thách của án treo

Theo quy định tại khoản 1 điều 60 B:HS năm 1999, khi quyết định cho người bị phạt tù được hưởng án treo, tòa án đồng thời phải ấn định một thời gian thử thách nhất định từ một năm đến năm năm. Thời gian thử thách của án treo là bắt buộc, không được cho hưởng án treo mà lại miễn thời gian thử thách, giữa thời gian thử thách và mức hình phạt tù có mối tương quan với nhau nhưng vấn đề này không được luật hình sự quy định cụ thể.

Chế định án treo chỉ có ý nghĩa khi tuyên thời gian thử thách hợp lý. Đó là khoảng thời gian đủ để người bị án treo tự lao động cải tạo hoàn lương, nếu trong thời gian này họ không phạm tội mới và chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ của bản thân thì có thể tin tưởng họ là con người hết nguy hiểm cho xã hội, ít có nguy cơ tái phạm tội. Thời gian thử thách được ấn định tùy thuộc chủ yếu vào tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, thể hiện ở mức hình phạt tù mà họ phải chịu cũng như phụ thuộc vào sự đánh giá của hội đồng xét xử về khả năng tự giáo dục, cải tạo của người phạm tội.

Người được hưởng án treo đã chấp hành được một phần hai thời gian thử thách và có nhiều tiến bộ, ví dụ, chấp hành đúng chủ trương chính sách pháp luật của Nhà nước, không có biểu hiện vi phạm pháp luật, trong lao động sản xuất hoặc trong công tác đã có những cố gắng tích cực, thể hiện thái độ ăn năn hối cải, muốn khắc phục,

sửa chữa sai lầm của mình để hoàn lương thì theo đề nghị của cơ quan, tổ chức có trách nhiệm giám sát và giáo dục. Tòa án có thể quyết định rút ngắn thời gian thử thách. Đối với người được hưởng án treo mà phạm tội mới trong thời gian thử thách, thì tòa án quyết định buộc phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại điều 51 BLHS năm 1999 (Khoản 4 và khoản 5 điều 60 BLHS năm 1999.

Như vậy theo quy định của pháp luật, thời gian thử thách của án treo có ý nghĩa rất lớn đối với người được hưởng án treo. Người được hưởng án treo có thể rút ngắn thời gian thử thách nếu trong thời gian thử thách họ tự cải tạo tốt, họ có thể được tòa án xét giảm thời gian thử thách nhiều lần. Ngược lại, họ bị buộc phải chấp hành hình phạt của bản án trước nếu phạm tội mới do cố ý hoặc vô ý trong thời gian thử thách.

Cách tính thời gian thử thách của án treo

Theo quy định của nghị quyết số 01/1990/NQ-HĐTP Nếu tòa án sơ thẩm cho người bị kết án được hưởng án treo, thì thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; nếu tòa án cấp sơ thẩm không cho hưởng án treo, nhưng tòa án cấp phúc thẩm cho hưởng án treo thì thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm; nếu tòa sơ thẩm không cho hưởng án treo, tòa cấp phúc thẩm không cho hưởng án treo nhưng tòa án cấp giám đốc thẩm lại cho hưởng án treo thì thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Tại khoản 5 điều 5 nghị định số 61/2000/NĐ-CP ngày 30.10.2000 của Chính phủ quy định việc thi hành hình phạt tù cho hưởng án treo nghị định số 61/2000/NĐ-CP thì thời gian thử thách của án treo được tính từ ngày cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục người được hưởng án treo nhận được quyết định thi hành bản án và trích lục bản án.

Nghị định 61/NĐ-CP có sự mâu thuẫn với hướng dẫn tại nghị quyết số 01/1990/NQ-HĐTP vì nghị quyết số 01 hướng dẫn là thời gian thử thách được tính từ ngày tuyên bản án cho hưởng án treo. Vì vậy, tại công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10.06.2002 của TANDTC về việc giải đáp các vấn đề về nghiệp vụ theo hướng dẫn tại nghị quyết số 01/1990/NQ-HĐTP , kể cả người được hưởng án treo là cán bộ, công chức, quân nhân, công nhân quốc phòng, người lao động làm công ăn lương nếu vẫn được tiếp tục làm việc.

Tổng hợp hình phạt khi người đang chấp hành án treo phạm tội mới trong thời gian thử thách

Theo quy định tại khoản 5 điều 60 BLHS năm 1999 thì đối với người được hưởng án treo mà phạm tội mới trong thời gian thử thách thì tòa án quyết định buộc phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại điều 51 BLHS năm 1999.

Khoản 2 điều 51 BLHS năm 1999 quy định khi xét xử một người đang phải chấp hành một bản án mà lại phạm tội mới, tòa án quyết định hình phạt đối với tội mới, sau đó tổng hợp với phần hình phạt chưa chấp hành của bản án trước rồi quyết định hình phạt chung theo quy định tại điều 50 BLHS của bộ luật này.

Về áp dụng hình phạt bổ sung đối với người được hưởng án treo

Theo quy định tại khoản 3 điều 60 BLHS năm 1999 thì người được hưởng án treo có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định theo quy định tại điều 30 và điều 36 BLHS năm 1999. Đối với các tội phạm mà BLHS quy định hình phạt bổ sung là bắt buộc thì ngoài hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 điều 60 BLHS năm 1999, người được hưởng án treo phải chịu thêm hình phạt bổ sung bắt buộc đó. Đối với các tội mà BLHS quy định có thể áp dụng hình phạt bổ sung, thì ngoài hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 điều 60 BLHS năm 1999. Người được hưởng án treo có thể phải chịu thêm hình phạt bổ sung theo quy định về hình phạt bổ sung của tội phạm mà họ đã thực hiện. Trong trường hợp người được hưởng án treo phải chịu hình phạt bổ sung thì thời hạn chấp hành loại hình phạt bổ sung có thời hạn được tính từ ngày tuyên bản án đầu tiên cho hưởng án treo mà có hình phạt bổ sung.

Việc giao người bị án treo cho cơ quan nhà nước hoặc tổ chức xã hội giám sát và giáo dục.

Theo quy định tại khoản 2 điều 60 BLHS năm 1999 thì trong thời gian thử thách, Tòa án giao người được hưởng án treo cho cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi người đó thường trú để giám sát, giáo dục.

Việc quản lý, theo dõi, giám sát, giáo dục người được hưởng án treo được quy định cụ thể tại nghị định số 61/2000/NĐ-CP.

Khi người được hưởng án treo đã chấp hành được một phần hai thời gian thử thách và có nhiều tiến bộ, thì được tòa án xét rút ngắn thời gian thử thách theo quy định tại khoản 4 điều 60 BLHS.

Cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục có trách nhiệm thực hiện các biện pháp cần thiết bảo đảm hiệu quả thi hành hình phạt tù cho hưởng án treo và phối hợp với cơ quan, tổ chức hữu quan trong việc giám sát, giáo dục người được hưởng án treo. gia đình người được hưởng án treo có trách nhiệm giáo dục, giúp đỡ người đó sửa chữa lỗi lầm, không vi phạm pháp luật và phạm tội mới, phối hợp chặt chẽ với cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục trong việc giám sát, giáo dục người đó.

Các cơ quan, tổ chức hữu quan và cộng đồng dân cư nơi người được hưởng án treo cư trú có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục trong việc giáo dục, giúp đỡ người đó trong thời gian thử thách.

Cơ quan nhà nước hoặc tổ chức xã hội theo quy định trên đây đã được khoản 2 điều 257 BLTTHS năm 2003 quy định.

Theo quy định tại điều 11 chương III nghị định số 61/2000/NĐ-CP so với quy định tại mục VI nghị quyết số 01/1990/NQ-HĐTP là khác nhau.

Về sửa bản án sơ thẩm

Trong trường hợp tòa án cấp sơ thẩm đã phạt tù và cho hưởng án treo, nếu bản án đó không bị kháng cáo hoặc kháng nghị theo hướng tăng nặng hình phạt, tăng thời gian thử thách của án treo thì tòa án cấp phúc thẩm không được: tăng mức hình phạt tù, tăng thời gian thử thách của án treo, phạt tù mà không cho hưởng án treo(kể cả trường hợp giảm mức hình phạt tù)

Trong trường hợp này, nếu tòa án cấp phúc thẩm xét thấy tòa án cấp sơ thẩm cho hưởng án treo không đúng hoặc xử quá nhẹ thì sau khi xét xử phúc thẩm cần báo cáo với cấp giám đốc thẩm để xem xét bản án phúc thẩm theo thủ tục giám đốc thẩm.

Về thời gian thử thách

Theo khoản 4 điều 60 BLHS năm 1999 và nghị quyết số 01/1990/NQ-HĐTP quy định.

Nghị định số 61 /2000/NĐ-CP bổ sung thêm rằng, cơ sở để xét rút ngắn thời gian thử thách có thể là do người bị án treo đề nghị cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục đề nghị tòa án xem xét rút ngắn thời gian thử thách.

Đoạn 2 khoản 1 điều 269 BLTTHS năm 2003 t tòa án có thẩm quyền xét giảm thời gian thử thách cho người được hưởng án treo là tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, tòa án quân sự khu vực nơi người bị kết án chịu thử thách.

Thủ tục xét giảm thời gian thử thách cho người được hưởng án treo đã được quy định tại khoản 3 điều 269 BLTTHS năm 2003.

Việc đương nhiên xóa án đối với người được hưởng án treo

Theo Khoản 2, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1985 (được sửa đổi, bổ sung năm 1989 và có hiệu lực từ ngày 02.01.1990) thì người được hưởng án treo được đương nhiên xóa án nếu không phạm tội mới trong thời hạn ba năm kể từ ngày hết thời gian thử thách.

Theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 64 Bộ luật hình sự năm 1999 thì người bị kết án không phải về các tội quy định tại chương XI và chương XXVI của BLHS nếu từ khi chấp hành xong bản án hoặc từ khi hết hiệu thi hành bản án người đó không phạm tội mới trong thời hạn một năm trong trường hợp bị phạt tù nhưng cho hưởng án treo thì đương nhiên được xóa án tích. thời gian xóa án tích qua So sánh quy định trên thì thời gian xóa án tích tại Điểm a, Khoản 2, Điều 64 của Bộ luật hình sự năm 1999 ngắn hơn quy định tại Khoản 2, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1985 được sửa đổi bổ sung năm 1989 và có hiệu lực từ ngày 02.01.1990). Mặt khác, Bộ luật hình sự năm 1999 quy định về thời hạn xóa án tích còn Bộ luật hình sự năm 1985 thì quy định tính thời hạn xóa án tích.

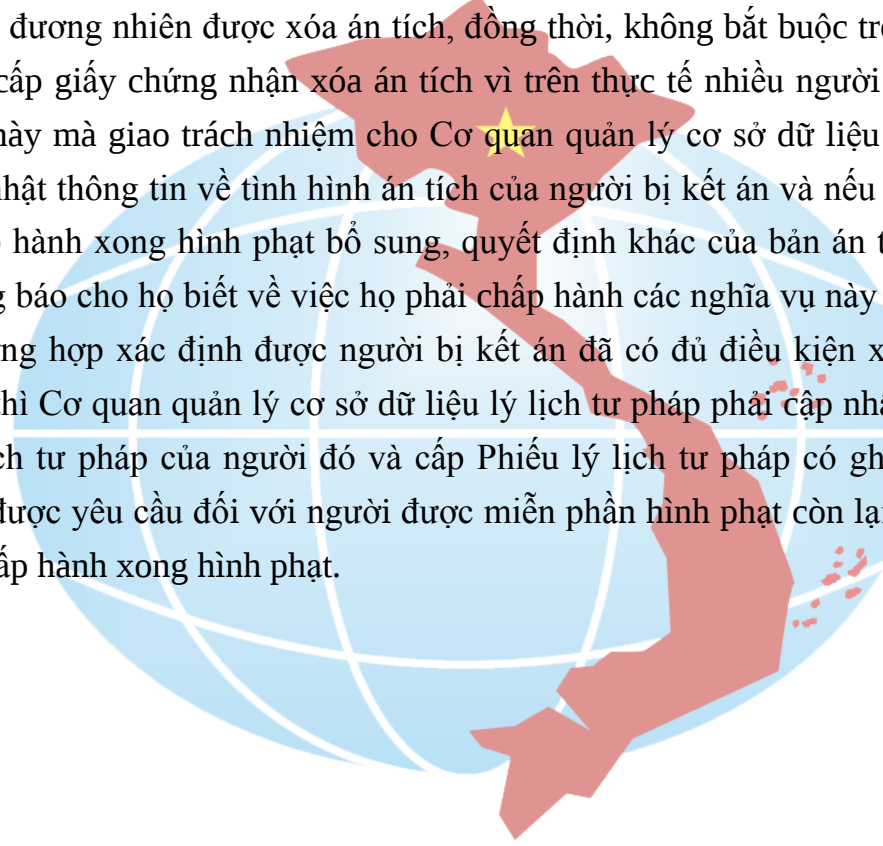
Trong khi đó, Bộ luật hình sự sửa đổi quy định về xóa án tích nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người bị kết án sớm ổn định cuộc sống, tái hòa nhập cộng đồng, theo hướng:

Thứ nhất, người được miễn hình phạt và người bị kết án về một tội do lỗi vô ý thì không bị coi là có án tích Trong trường hợp người bị kết án có những biểu hiện tiến bộ rõ rệt và đã lập công, được cơ quan, tổ chức nơi người đó công tác hoặc chính quyền địa phương nơi người đó cư trú đề nghị, thì thời hạn xoá án tích bằng một phần ba thời hạn quy định;

Thứ hai, rút ngắn thời hạn xóa án tích so với quy định hiện hành và quy định rõ thời điểm xóa án tích được tính từ khi người bị kết án chấp hành xong hình phạt chính, thời gian thử thách án treo (quy định hiện hành là từ khi chấp hành xong bản án) hoặc

từ khi bản án hết thời hiệu thi hành. Đồng thời, sửa đổi điều kiện “không phạm tội mới” trong thời gian có án tích bằng điều kiện “không bị kết án về tội mới bằng bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật” để bảo đảm quyền được suy đoán không có tội theo tinh thần Hiến pháp năm 2013;

Thứ ba, đổi mới căn bản thủ tục đương nhiên xóa án tích theo hướng thuận lợi hơn cho người dân, theo đó, không quy định Tòa án cấp giấy chứng nhận xóa án tích cho người đương nhiên được xóa án tích, đồng thời, không bắt buộc trong mọi trường hợp phải cấp giấy chứng nhận xóa án tích vì trên thực tế nhiều người dân không cần đến giấy này mà giao trách nhiệm cho Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp phải cập nhật thông tin về tình hình án tích của người bị kết án và nếu người bị kết án chưa chấp hành xong hình phạt bổ sung, quyết định khác của bản án thì cơ quan này phải thông báo cho họ biết về việc họ phải chấp hành các nghĩa vụ này để được xóa án tích. Trường hợp xác định được người bị kết án đã có đủ điều kiện xóa án tích theo quy định thì Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp phải cập nhật thông tin này vào Lý lịch tư pháp của người đó và cấp Phiếu lý lịch tư pháp có ghi “không có án tích” khi được yêu cầu đối với người được miễn phần hình phạt còn lại cũng được coi như đã chấp hành xong hình phạt.



TTBD ĐBDC